

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2026 - 2027
Tuần 05: từ ngày 14/09/2026 đến ngày 20/09/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K11-DVTY P.E303	Sáng	DD và thức ăn CN (Phượng) 4 B101	Trồng trọt cơ bản (Thọ) 4 B101	Dược lý (Duyên) 4 B101	Chính trị (Quế) 4 E303	Vệ sinh thú y (Lệ) 4 B101
	Chiều	Sinh hoạt lớp Giải phẫu SLVN (Hằng) 3	Giải phẫu SLVN (Hằng) 4	Tin học (Trường) 4 TH 3	Giống vật nuôi (Vân) 4	Tiếng Anh (Linh) 4 E302
K12-DVTY P.E303	Sáng				Chính trị (Quế) 4 E303	
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hoà) 1 Giải phẫu SLVN (Hằng) 3	Giải phẫu SLVN (Hằng) 4	Tin học (Trường) 4 TH 3		Tiếng Anh (Linh) 4 E302
K10-KTDN P.E305	Sáng	Kế toán DN 2 (Dung) CSĐT 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4 CSĐT	Kế toán DN 2 (Dung) 4 CSĐT	TH KT trong DNSX (Mai) 4 CSĐT	Kế toán DN 2 (Dung) 4 CSĐT
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thuý) 1 Kế toán DN 2 (Dung) E 303 3	TH KT trong DNSX (Mai) 4 E 303	TH KT trong DNSX (Mai) 4 E 303	Kế toán DN 2 (Dung) 4 E 303	TH KT trong DNSX (Mai) 4 E 303
K11-KTDN P.E305	Sáng	Lý thuyết TCTT (C.Thảo) 2 Nguyên lý thống kê (Hoa) 2		Kế toán DN 2 (Dung) 4 E305	Chính trị (Quế) 4 E303	Kế toán DN 2 (Dung) 4 E305
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thuý) 1 Kế toán DN 2 (Dung) E 303 3	Nguyên lý thống kê (Hoa) 2 Lý thuyết TCTT (C.Thảo) 2	Tin học (Trường) 4 TH 3	Kế toán DN 2 (Dung) 4 E 303	Tiếng Anh (Linh) 4 E302
K12-KTDN P.E305	Sáng	Lý thuyết TCTT (C.Thảo) 2 Nguyên lý thống kê (Hoa) 2		Kinh tế vi mô (Thuý) 4	Chính trị (Quế) 4 E303	
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Thuý) 1 Kỹ năng mềm (Sơn) 3	Nguyên lý thống kê (Hoa) 2 Lý thuyết TCTT (C.Thảo) 2	Tin học (Trường) 4 TH 3		Tiếng Anh (Linh) 4 E302
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT65A1 P.TH	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hương) 1 Khí tượng NN (Huyền) 3	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Cây dược liệu (Huệ) 4	Cây rau (Lịch) 4	Phòng trừ dịch hại (Triệu) 4
TT66A1 P.TH	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huệ) 1 Chính trị (Quế) 3	Đất trồng - Phân bón (Bình) 2 Côn trùng ĐC (Lịch) 2	Khuyến nông (Thọ) 2 Pháp luật (Huyền) 2	Giống cây trồng (Huyền) 2 Sinh lý thực vật(Huệ) 2	Tin học (Thoa) P.TH2 2 GDTC (Quang) 2
	Chiều					

CN65A1 P.B306	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Lệ) 1 Nuôi và PTB cho trâu, bò dê, thỏ (Hàng Nga) 3	Nuôi và PTB cho lợn (Hung) 4	Trồng trọt cơ bản (Lịch) 2 KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) 2	Nuôi và PTB cho trâu, bò dê, thỏ (Hàng Nga) 4	Nuôi và PTB cho lợn (Hung) 2 KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) 2	
CN65A3 P.B206	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Vân) 1 Trồng trọt cơ bản (Huệ) 3	KTN và PTB cho gà, vịt (Hoà) 4	Nuôi và PTB cho trâu, bò dê, thỏ (P. Phụng) 4	Nuôi và PTB cho trâu, bò dê, thỏ (P. Phụng) 4	Nuôi và PTB cho lợn (Hàng Nga) 4	
CN66A1 P.B306	Sáng	Sinh hoạt lớp (Huyền) 1 GD QP-AN (Mạnh) 3	Giải phẫu SLVN (Hàng) 2 DD và TĂ chăn nuôi (Phụng) 2	Pháp luật (Huyền) 2 Kỹ Thuật truyền giống (Hàng) 2	Dược lý thú y (Duyên) 2 GD thể chất (Thuý) 2	Dược lý thú y (Duyên) 2 Giải phẫu SLVN (Hàng) 2	
	Chiều						
CN66A3 P.B206	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Dược lý thú y (Lệ) 3	DD và TĂ chăn nuôi (Phụng) 2 Giải phẫu SLVN (H.Nga) 2	Kỹ Thuật truyền giống (Lệ) 2 Dược lý thú y (Lệ) 2	Tiếng anh (K.Nhung) 4	Giải phẫu SLVN (H.Nga) 2 Pháp luật (Huyền) 2	
	Chiều						
LN65A P.B102	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Lịch) 1 Bảo vệ rừng (Tuyết) 3	Khai thác gỗ, tre, nứa (Hùng) 4	Bảo vệ rừng (Tuyết) 4	Trồng và chăm sóc rừng (Hùng) 4	Trồng cây công nghiệp (Thọ) 4	
KTDN65A1 P.E303	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Dung) 1 Kế toán DN 2 (Dung) 3	TH KT trong DNSX (Mai) 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4	
KTDN65A2 P.E304	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (C.Thảo) 1 Thống kê DN (Thuý) 3	Kế toán NS xã, phường (Hoa) 4	Thực hành KT trong DNSX (T. Thảo) 4	Thuế (Cao Thảo) 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4	
KTDN65B CSDT	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (T.Thảo) 1 KT NS xã, phường (T Thảo) 3	Thống kê DN (Dung) 4	Thống kê DN (Dung) 4	Kế toán DN 2 (Mai) 4	Thực hành KT trong DNSX (T. Thảo) 4	
KTDN66A1 P.E304	Sáng	Sinh hoạt lớp (Thuý) 1 Tiếng anh (Linh) 3	Nguyên lý thống kê (Hoa) 2 Lý thuyết TCTT (C.Thảo) 2	Tiếng anh (Linh) 2 GD thể chất (Hà) 2	Lý thuyết KT (C. Thảo) 2 Kinh tế vi mô (Thuý) 2	Kỹ năng mềm (Sơn) 2 Tin học (Tâm) TH2 2	
	Chiều						
KTDN66B CSDT	Sáng	Sinh hoạt lớp (Mai) 1 Lý thuyết TCTT (Ng. Mai) 3	Tin học (Quang) 4	GD thể chất (Quang) 4	Lý thuyết KT (T.Thảo) 4	Tiếng Anh (T.Nhung) 4	
	Chiều						
CNTT65A1 TH1	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Hà) 1 QT CSDL với Access(Phụng) 3	Lắp ráp và BT MT (Trường) 4	Lập trình Window (Thảo) 4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang) 4	Hệ điều hành Windows Server (Tâm) 4	

CNTT65A2 TH2	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> XD phần mềm QL bán hàng (Hà)	1 3	Lập trình Window (Thảo) 4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang) 4	Hệ điều hành Windows Server (Tâm) 4
CNTT66A1 TH1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tâm)</i> Tin học (Tâm)	1 3	Cấu trúc máy tính (Hà) 4	Tin học VP (Phương) 4	Tiếng anh (Linh) E302 Kỹ năng mềm (Son) E302 2 2
	Chiều					
CNTT66A2 TH2	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Sơn)</i> Tin học (Phương)	1 3	Tiếng anh (K.Nhung) E302 Kỹ năng mềm (Son) E302 2 2	Cấu trúc máy tính (Hà) 4	Tin học VP (Phương) 4
	Chiều					Tiếng anh (K.Nhung) E302 GD thể chất (Hội) 2
CNTT66A3 P.TH3	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i> Cấu trúc máy tính (Hà)	1 3	Tiếng anh (Linh) E303 4	Tin học (Ngọc) 4	GD thể chất (Hội) 4
	Chiều					Tin học VP (Phương) 4
CNTT66A5 P.E302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> Tiếng anh (K.Nhung)	1 3	Tin học (Phương) PTH 3 4	Pháp luật (Nga) GD thể chất (Thuý) 2 2	Cấu trúc máy tính (Hà) PTH 3 4
	Chiều					Cấu trúc máy tính (Hà) PTH2 4
CNTT66A4 CSDT	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i> Cấu trúc máy tính (Quang)	1 3	Tin học (Quang) 4	GD thể chất (Quang) 4	Tin học VP (Tâm) 4
	Chiều					Tiếng Anh (T.Nhung) 4
ĐCN65A1 P.E104	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Đ. Đức)</i> KTML và ĐHKK (Giáp)	1 3	Cung cấp điện (H. Anh) 4	Thiết bị điện GD (Tuấn) 4	KTML và ĐHKK (Giáp) 4
ĐCN65A2 P.E103	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i> Cung cấp điện (P. Anh)	1 3	KTML và ĐHKK (Giáp) 4	Kỹ thuật điện tử (P. Anh) 4	Cung cấp điện (P.Anh) 4
ĐCN65B2 P.E102	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (H.Anh)</i> Trang bị điện (Dương)	1 3	Kỹ thuật điện tử (Tuấn) 4	Thiết bị điện GD (Huân) 4	Trang bị điện (Dương) 4
ĐCN65B3 P.E101	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> Trang bị điện (Nga)	1 3	Trang bị điện (Nga) 4	Kỹ thuật điện tử (Dương) 4	Thiết bị điện GD (Tuấn) 4

ĐCN 65B1 CSDT	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Ng. Đức)</i> Thiết bị điện GD (Huân)	1 3	Trang bị điện (Đ. Đức) 4	Trang bị điện (Đ. Đức) 4	Kỹ thuật điện tử (Nga) 4	Kỹ thuật điện tử (Nga) 4
ĐCN66A1 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> An toàn điện (Huyền)	1 3	GD thể chất (Thúy) 4	GD QP-AN (Mạnh) 4	Thiết bị điện GD (Đ.Đức) 4	Vẽ kỹ thuật điện (Huyền) 4
	Chiều						
ĐCN66A2 P.E204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i> Thiết bị điện GD (Tuấn)	1 3	GD QP-AN (Mạnh) 4	Chính trị (Quế) 4	An toàn điện (Huyền) 4	Vẽ kỹ thuật điện (Hoà) 4
	Chiều						
ĐCN66A3 P.E201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> An toàn điện (Hoà)	1 3	Pháp luật (Huyền) 2 GD thể chất (Hà) 2	Vẽ kỹ thuật điện (Huyền) 4	GD QP-AN (Mạnh) 4	Thiết bị điện GD (Dương) 4
	Chiều						
ĐCN66A4 P.E202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P. Anh)</i> An toàn điện (P. Anh)	1 3	Chính trị (Quế) 4	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức) 4	Pháp luật (Huyền) 2 GD thể chất (Hà) 2	Thiết bị điện GD (Huân) 4
	Chiều						
ĐCN66B2 P.E203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i> Thiết bị điện GD (Giáp)	1 3	Chính trị (Tài) 2 Pháp luật (Huyền) 2	An toàn điện (Hoà) 4	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức) 4	GD QP-AN (Mạnh) 4
	Chiều						
ĐCN 66B1 CSDT	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> An toàn điện (Ng. Đức)	1 3	GD thể chất (Quang) 4	Thiết bị điện GD (Huân) 4	Vẽ kỹ thuật điện (Hoà) 4	Chính trị (Quế) 4
	Chiều						
CBBQ65	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> Chế biến nước mắm (Liên)	1 3	Chế biến lạnh đông TS (Năm) 4	Kỹ thuật điện (Năm) 4	Chế biến nước mắm (Liên) 4	Quản lý chất lượng thủy sản (Liên) 4
NTTS 66	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> Thủy sinh vật (Ánh)	1 3	GD thể chất (Quang) 4	ATLĐ trong nuôi thủy sản (Liên) 4	Khảo sát TKCT nuôi thủy sản (Ánh) 4	Chính trị (Quế) 4
	Chiều						
KTMTT65	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> Tự động MTT (Đông)	1 3	Động cơ đốt trong (Đông) 4	BD, SC thiết bị trên boong (Trung) 4	Khai thác máy phụ tàu thủy (Đông) 4	Luật hàng hải (Trung) 4
KTMTT 66	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> Vẽ kỹ thuật (Trung)	1 3	GD thể chất (Quang) 4	Môi trường và bảo vệ MT thủy (Ánh) 4	Lý thuyết tàu (Trung) 4	Chính trị (Quế) 4
	Chiều						

ĐKTB65	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> Tiếng anh CN (T.Nhung)	<i>1</i> 3	Khai thác vận hành MTT (Trung)	4 4	Khí tượng hải dương (Tiển) (Trung)

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN								
LỚP \ THỨ		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật		
TT65A2	Sáng	Khí tượng nông nghiệp (Huyền)	4	Sinh hoạt lớp (Bình)	1	Côn trùng đại cương (Huệ)	4	
				Bệnh cây chuyên khoa (Huyền)	3			
P.B102	Chiều	Cây rau (Huyền)	4	Cây dược liệu (Thọ)	4	Chế biến bảo quản STH (Bình)	4	
CN65A2	Sáng	CĐ và ĐTH thú y (Vân)	4	Sinh hoạt lớp (Phượng)	1	Luật thú y (P. Nga)	4	
CN66A2				Trồng trọt cơ bản (Bình)	P.B103			3
P.B101	Chiều	Kỹ sinh trùng TY (Phượng)	4	Quản trị kinh doanh (Thúy)	P.B103	4	KTN-PTB trâu, bò... (Hưng)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2026 - 2027
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 14/09/2026 đến ngày 20/09/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6					
VH64B1	Sáng	Sinh hoạt lớp (Hằng)	1	Hoá (Doan)	2	Văn (Hằng)	3	GDKTPL (Đ.Thuý)	2	Toán (Nhưng)	4
		Vật lý (Sơn)	3	Lịch Sử (Hà)	2	CĐ Văn (Hằng)	1	Địa lý (Thuý)	2		
VH64B3 B301	Sáng	Sinh hạt lớp (Vân)	1	GDKTPL (Đ.Thuý)	2	Toán (Quý)	2	Văn (Hường)	3	Lịch sử (Dự)	2
		Hoá học (Vân)	3	Vật lý (Hoà)	2	CĐ GDKTPL(Đ.Thuý)	2	CĐ Văn (Hường)	1	Địa lý (Nga)	2
VH64B4 B302	Sáng	Sinh hoạt lớp (Nga)	1	Toán (Nhưng)	2	Lịch sử (Lý)	2	GDKTPL (Chính)	2	Văn (H.Hà)	3
		Địa lý (Nga)	2	Hoá học (Hà)	2	Vật lý (Hoà)	2	Toán (Nhưng)	2	CĐ Văn (H.Hà)	1
		CĐ Địa lý (Nga)	1								
VH64B5 B303	Sáng	Sinh hoạt lớp (Dự)	1	Vật lý (Hoà)	2	Văn (Hường)	3	Địa lý (Lực)	2	GDKTPL (P.Nga)	2
		CĐ Sử (Dự)	1	Lịch sử (Dự)	2	CĐ Văn (Hường)	1	Hoá học (Hà)	2	Toán (Dương)	2
		Toán (Dương)	2								
VH64B6 B304	Sáng	Sinh hoạt lớp (H.Hà)	1	Toán (Quý)	2	Lịch sử (Hằng)	2	Hoá học (Hà)	2	Toán (Quý)	2
		Văn (H.Hà)	3	Sinh học (Phượng)	2	Địa lý (Lực)	2	CĐ Địa lý (Lực)	2	GDKTPL (Nga)	2
VH64B8 B305	Sáng	Sinh hoạt lớp (Phiên)	1	GDKTPL (Thắm)	2	Hoá (Vân)	2	Văn (Hằng)	3	Địa lý (Lực)	2
		Sinh học (Phượng)	2	Toán (Quý)	2	Lịch sử (Lý)	2	CĐ Văn (Hằng)	1	Toán (Quý)	2
		Địa lý (Lực)	1								
VH65B1	Sáng	Sinh hoạt lớp (Đ.Thuý)	1	Lịch sử (Hà)	2	Toán (Hương)	4	Địa lý (Thuý)	2	Văn (Hằng)	3
		GDKTPL (Đ.Thuý)	2	Hoá (Doan)	2			Vật lý (Sơn)	2	CĐ Văn (Hằng)	1
		CĐGDKTPL (Đ.Thuý)	1								
VH65B2 B103	Sáng	Sinh hoạt lớp (Hoà)	1	Lịch sử (Dự)	2	GDKTPL (Đ.Thuý)	2	Văn (H.Hà)	3	Toán (Dương)	2
		Vật lý (Hoà)	3	Toán (Dương)	2	CĐ GDKTPL(Đ.Thuý)	2	CĐ Văn (H.Hà)	1	Hoá học (Vân)	2
VH65B3 B104	Sáng	Sinh hoạt lớp (Quý)	1	Địa lý (Nga)	2	Lịch sử (Dự)	2	Văn (Ngô Hà)	3	GDKTPL (Chính)	2
		Toán (Quý)	3	Vật lý (Hoà)	2	Hoá (Vân)	2	CĐ Văn (Ngô Hà)	1	CĐ GDKTPL (Chính)	2

VH65B5 B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lực)</i> Địa lý (Lực)	<i>1</i> 3	Vật lý (Trung) GDKTPL (P.Nga)	2 2	Văn (Ngô Hà) CĐ Văn (Ngô Hà)	3 1	Sinh (Phượng) Lịch sử (Dự)	2 2	Toán (Quảng)	4
VH65B6 B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thắm)</i> Vật lý (Trung)	<i>1</i> 3	Địa lý (Lực) GDKTPL (Thắm)	2 2	Sinh học (Phượng) Lịch sử (Hằng)	2 2	Toán (Quý)	4	Văn (Ngô Hà) CĐ Văn (Ngô Hà)	3 1
VH65B7 B203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i> GDKTPL (Chính)	<i>1</i> 3	Văn (Hường) CĐ Văn (Hường)	3 1	Địa lý (Lực) Toán (Quý)	2 2	Lịch sử (Hằng) Sinh học (Phượng)	2 2	Vật lý (Trung) CĐ Sử (Hằng)	3 2
VH65B8 B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hường)</i> Văn (Hường)	<i>1</i> 3	Toán (Dương) Địa lý (Lực)	2 2	GDKTPL (Chính) Toán (Dương)	2 2	Sinh học (Hồng) Lịch sử (Hằng)	2 2	Hoá học (Vân) CĐ Văn (Hường)	2 2
VH65B9 B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hồng)</i> Sinh học (Hồng)	<i>1</i> 3	Hoá học (Vân) Địa lý (Nga)	2 2	Văn (H.Hà) CĐ Văn (H.Hà)	3 1	GDKTPL (Thắm) Toán (Dương)	2 2	Lịch sử (Hằng) Toán (Dương)	2 2
VH66B1	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Nhưng)</i> Vật lý (Sơn)	<i>1</i> 3	Hoá (Doan) Lịch sử (Hà)	2 2	GDKTPL (Quế) Toán (Nhưng)	2 2	Văn (Ngô Hà) CĐ GDKTPL (Quế)	2 2	Địa lý (Thuý) Văn (Ngô Hà)	2 2
VH66B2	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Toán (Nhưng)	<i>1</i> 3	Lịch sử (Hà) Hoá (Doan)	2 2	Toán (Nhưng) GDKTPL (Đ.Thuý)	2 2	CĐ GDKTPL (Đ.Thuý) Văn (Ngô Hà)	2 2	Vật lý (Sơn) Địa lý (Thuý)	2 2
VH66B3 E301	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (K.Nhung)</i> Toán (Quỳnh)	<i>1</i> 3	Văn (Mai Anh) CĐ Văn (Mai Anh)	3 1	Lịch sử (Hằng) CĐ Sử (Hằng)	2 2	Địa lý (Phương) GDKTPL (Chính)	2 2	Vật lý (Trung) Hoá học (Vân)	2 2
VH66B4 E302	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Mạnh)</i> Toán (Quảng)	<i>1</i> 3	Địa lý (Nga) CĐGDKTPL (Chính)	2 2	GDKTPL (Chính) Vật lý (Trung)	2 2	Lịch sử (Thuý) Hoá học (Vân)	2 2	Văn (Mai Anh) CĐ Văn (Mai Anh)	3 1
VH66B5 B201	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> Văn (Thư)	<i>1</i> 3	Toán (Quảng) CĐ Văn (Thư)	3 1	GDKTPL (Thắm) Hoá (học (Vân)	2 2	Lịch sử (Hằng) CĐ Sử (Hằng)	2 2	Địa lý (Nga) Vật lý (Trung)	2 2
VH66B6 B202	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (P. Nga)</i> GDKTPL (P.Nga) CĐGDKTPL (P.Nga)	<i>1</i> 2 1	Địa lý (Lực) Vật lý (Trung)	2 2	Toán (Quỳnh) CĐ Sử (Hằng)	3 1	Văn (Mai Anh) CĐ Văn (Mai Anh)	3 1	Hoá học (Vân) Lịch Sử (Hằng)	2 2
VH66B7 B203	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> Toán (Dương)	<i>1</i> 3	Vật lý (Trung) Sinh học (Hồng)	2 2	Văn (Thư) CĐ Văn (Thư)	3 1	GDKTPL (Thắm) CĐGDKTPL (Thắm)	2 2	Lịch sử (Dự) Địa lý (Phương)	2 2

VH66B8 B204	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hội)</i>	1	Lịch sử (Dự)	2	Toán (Quảng)	3	Lịch sử (Dự)	2	Địa lý (Phương)	2
		GDKTPL (Thắm)	3	Vật lý (Trung)	2	CĐ Sử (Dự)	1	Văn (Thư)	2	Sinh học (Hồng)	2
VH66B9 B205	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hồng)</i>	1	CĐ Vật lý (Hoà)	1	Vật lý (Hoà)	2	Văn (Thư)	2	Văn (Thư)	2
		Sinh học (Hồng)	3	Toán (Quỳnh)	3	GDKTPL (Thắm)	2	Lịch sử (Thủy)	2	CĐ Vật lý (Hoà)	2
VH66B10 B103		<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i>	1	Địa lý (Phương)	2	Văn (Mai Anh)	2	Toán (Quảng)	4	GDKTPL (Thúy)	2
		Hoá học (Hà)	2	Lịch sử (Thủy)	2	Sinh học (Phượng)	2			CĐ Sử (Thủy)	2
		CĐ Hoá (Hà)	1								
VH66B11 B104	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quế)</i>	1	Văn (Thư)	2	Lịch sử (Thủy)	2	Toán (Quỳnh)	2	Sinh học (Hồng)	2
		GDKTPL (Quế)	3	Địa lý (Phương)	2	CĐ Sử (Thủy)	2	Hoá học (Hà)	2	Văn (Thư)	2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đoàn Văn Lưu